

Tác động của thuế suất ngành mới của Mỹ đối với xuất khẩu gỗ Việt Nam

Lê Trần Thu Hằng
Chuyên viên, Ngành Kinh Tế Vĩ Mô
hang.ltthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4870

Phạm Vũ Thăng Long
Giám Đốc Cấp Cao, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

- Chính sách thuế quan theo Mục 232 đối với một số loại gỗ mềm, gỗ xẻ và các sản phẩm từ gỗ, có hiệu lực từ ngày 14/10/2025, khiến thuế suất bình quân của Việt Nam tăng 0,2 điểm phần trăm lên 18,1%. Trong đó, thuế suất đối với gỗ tăng 0,1 điểm phần trăm lên 14,8%, thuế suất đối với đồ nội thất tăng từ 22,4% lên 25,1%, trong khi thuế suất đối với những lĩnh vực khác vẫn giữ nguyên.
- Mức tăng thuế hạn chế cho thấy tác động gián đoạn là không đáng kể, củng cố quan điểm dự báo tăng trưởng thương mại cho năm 2025 của chúng tôi.

Triển vọng xuất khẩu ổn định khi tác động của thuế gỗ được kiểm soát

Biện pháp bảo hộ thương mại mới nhất của Mỹ, [Sắc lệnh 10976](#), được ban hành vào ngày 29/9/2025, mở rộng thuế quan theo Mục 232 sang một số sản phẩm liên quan đến gỗ, với thuế suất 10-25%, có hiệu lực từ ngày 14/10/2025. Cục Hải quan và Bảo vệ biên giới Hoa Kỳ (CBP) sau đó đã ban hành [hướng dẫn cụ thể](#) về từng mã HTS chịu ảnh hưởng.

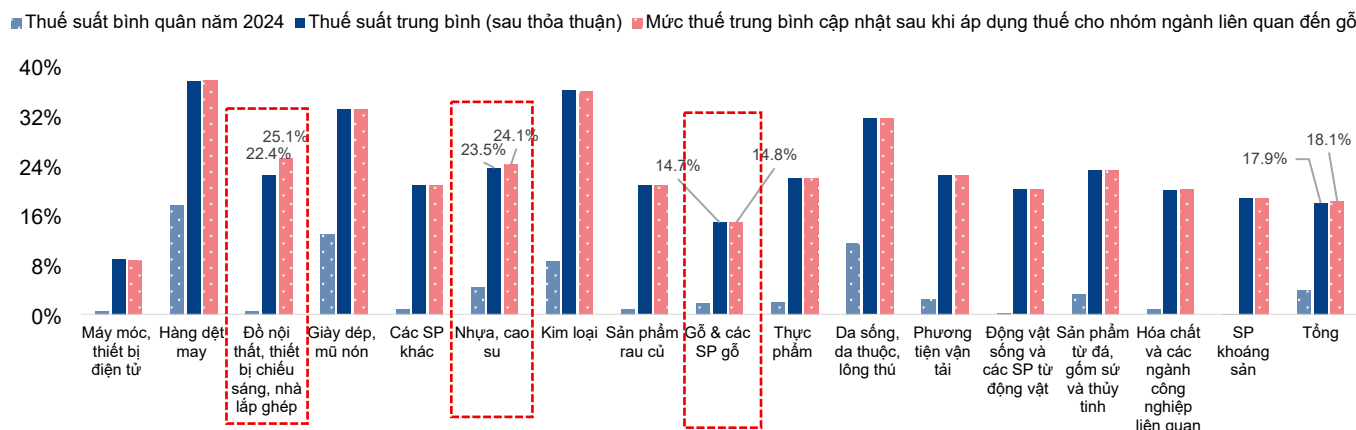
Áp dụng chính sách thuế quan mới cho số liệu xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ trong năm 2024, HSC ước tính mức thuế suất tổng hợp bình quân tăng nhẹ từ 17,9% lên 18,1%, trong đó thuế suất ngành gỗ bình quân tăng nhẹ lên 14,8% từ 14,7% trước đó. Chênh lệch này thể hiện mức độ tác động không lớn và trong tầm kiểm soát (Biểu đồ 1). Bên cạnh đó, thuế suất đối với đồ nội thất tăng từ 22,4% lên 25,1%, trong khi thuế suất đối với nhựa tăng từ 23,5% lên 24,1% sau khi [Phụ lục II được sửa đổi bởi EO vào ngày 5/9/2025](#), trong khi thuế suất đối với những ngành khác vẫn giữ nguyên.

Từ đó, HSC giữ nguyên [dự báo thương mại cho năm 2025](#) với KNKK và KNNK được dự báo tăng trưởng lần lượt 14,2% và 16,2%. Rủi ro tập trung vào khả năng chính sách thuế quan theo ngành tiếp tục mở rộng và động thái kiểm soát chặt chẽ hoạt động trung chuyển hàng hóa, mặc dù những biện pháp hiện tại không làm thay đổi đáng kể dự báo của chúng tôi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 17/10.

Biểu đồ 1: Thuế suất bình quân của Việt Nam năm 2024, sau thỏa thuận và sau khi áp thuế đối với các sản phẩm liên quan đến gỗ

Tổng mức thuế quan của Việt Nam và mức thuế trong ngành liên quan đến gỗ tăng nhẹ sau khi Hoa Kỳ áp dụng các biện pháp bảo hộ thương mại, cho thấy tác động đối với ngành vẫn ở mức hạn chế



Ghi chú: Thuế đối với ngành nhựa tăng lên do các sửa đổi trong Phụ lục II của Sắc lệnh hành pháp ban hành ngày 5/9/2025, cùng với những điều chỉnh trong danh mục miễn trừ thuế.

Nguồn: US ITC, US CBP, Nhà Trắng, HSC

Giữ nguyên triển vọng xuất khẩu do tác động từ thuế gỗ không đáng kể

Chính sách thuế quan mới nhất của Mỹ đối với một số loại gỗ mềm, gỗ xẻ và các sản phẩm từ gỗ theo Mục 232 có hiệu lực từ ngày 14/10/2025, nâng tổng mức thuế suất bình quân của Việt Nam lên 18,1% từ 17,9% trước đó và nâng mức thuế suất đối với ngành gỗ lên 14,8% từ 14,7% trước đó. Trong khi đó, mức thuế suất đối với đồ nội thất tăng từ 22,4% lên 25,1%, trong khi thuế suất của những ngành khác không thay đổi. Thuế suất tăng nhẹ cho thấy tác động tương đối hạn chế, từ đó HSC giữ nguyên dự báo tăng trưởng thương mại cho năm 2025. Rủi ro hiện đến từ khả năng mở rộng danh mục thuế quan theo ngành hoặc chính sách thuế liên quan đến hoạt động trung chuyển.

Bối cảnh

Ngày 29/9/2025, [Nhà Trắng đã ban hành Sắc lệnh 10976 với tiêu đề "Điều chỉnh thuế nhập khẩu Gỗ mềm, Gỗ xẻ và các sản phẩm từ gỗ vào Mỹ"](#), áp dụng thuế suất dựa trên giá trị hàng hóa theo Mục 232 của Đạo luật Mở rộng Thương mại năm 1962 (đã được sửa đổi, 19 U.S.C. 1862). Theo Tuyên bố, gỗ xẻ mềm, đồ nội thất gỗ bọc đệm, tủ bếp/bàn trang điểm hoàn thiện và các phụ kiện liên quan nhập khẩu vào Mỹ sẽ chịu mức thuế suất 10-25%. Tuyên bố này trao cho CBP thẩm quyền thực hiện các biện pháp phù hợp để quản lý các mức thuế này

Sau đó, vào ngày 10/10/2025, CBP đã ban hành [hướng dẫn](#) thông qua CSMS (Cargo Systems Messaging Service) để làm rõ những thủ tục thực hiện theo Sắc lệnh 10976. Cung cấp những mã HTS chính chịu ảnh hưởng cùng các mức thuế suất bổ sung có hiệu lực đối với hàng hóa được đưa vào tiêu thụ hoặc được lấy ra tiêu thụ từ kho, từ sau 12:01 giờ sáng (Giờ ban ngày tại miền Đông ngày 14/10/2025) (Bảng 2).

Phương pháp tính thuế

HSC đã trích xuất tất cả các mã HTS liên quan đến gỗ xẻ mềm, đồ nội thất gỗ bọc đệm, tủ bếp/bàn trang điểm hoàn thiện và các phụ kiện theo thông báo của CBP và áp dụng vào số liệu xuất khẩu năm 2024 của Việt Nam sang Mỹ. Đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ, dựa trên những mã HTS này, chúng tôi đã áp dụng mức thuế suất mới nhất do CBP và Nhà Trắng ban hành, thay thế mức thuế suất đối ứng 20% trước đó hoặc những khoản miễn trừ trước đó (nếu có), theo hướng dẫn của CBP.

Bảng 2: Danh sách các mã HTS và mức thuế điều chỉnh tương ứng

Gỗ mềm, đồ nội thất bọc nệm bằng gỗ, và tủ bếp/tủ lavabo là những mặt hàng chịu mức thuế mới

Mã HTS	Phân loại	Thuế suất mới*
44031100	Gỗ mềm & gỗ xẻ	10%
44032301	Gỗ mềm & gỗ xẻ	10%
44032601	Gỗ mềm & gỗ xẻ	10%
44069100	Gỗ mềm & gỗ xẻ	10%
44071300	Gỗ mềm & gỗ xẻ	10%
44032101	Gỗ mềm & gỗ xẻ	10%
44032401	Gỗ mềm & gỗ xẻ	10%
44039901	Gỗ mềm & gỗ xẻ	10%
44071100	Gỗ mềm & gỗ xẻ	10%
44071400	Gỗ mềm & gỗ xẻ	10%
44032201	Gỗ mềm & gỗ xẻ	10%
44032501	Gỗ mềm & gỗ xẻ	10%
44061100	Gỗ mềm & gỗ xẻ	10%
44071200	Gỗ mềm & gỗ xẻ	10%
44071900	Gỗ mềm & gỗ xẻ	10%
94016140	Sản phẩm đồ nội thất bằng gỗ bọc nệm	25%
94016160	Sản phẩm đồ nội thất bằng gỗ bọc nệm	25%
94034090	Tủ bếp, tủ lavabo hoàn thiện & các bộ phận	25%
94036080	Tủ bếp, tủ lavabo hoàn thiện & các bộ phận	25%
94039100	Tủ bếp, tủ lavabo hoàn thiện & các bộ phận	25%

* Ghi chú: Miễn trừ áp dụng cho Anh, EU và Nhật Bản.

Nguồn: US CBP, Nhà Trắng, HSC

Kết quả nổi bật

Trong số hơn 20 mã HTS ngành gỗ chịu ảnh hưởng của chính sách thuế quan theo ngành mới của Mỹ, Việt Nam đã xuất khẩu 8 sản phẩm liên quan đến gỗ và đồ nội thất sang Mỹ vào năm 2024. Áp dụng mức thuế suất mới, tổng mức thuế bình quân của Việt Nam tăng nhẹ lên 18,1% từ 17,9% trước đó.

Ở cấp độ ngành, gỗ và sản phẩm từ gỗ hiện phải chịu mức thuế suất bình quân 14,8%, tăng nhẹ từ 14,7% trước đó, cho thấy tác động ban đầu của chính sách thuế quan theo ngành mới là không lớn và vẫn trong tầm kiểm soát (Biểu đồ 1). Phù hợp với phân tích của chúng tôi, một cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị của HSC, [BLĐ PTB vẫn kỳ vọng số lượng đơn đặt hàng gỗ nguyên khối từ Mỹ - thị trường lớn nhất của công ty](#), chiếm 70% giá trị xuất khẩu gỗ của công ty trong Q4/2025 và năm 2026 – vẫn vững chắc bất chấp chính sách thuế quan theo ngành mới của Mỹ. Ngoài ra, thuế quan đối với đồ nội thất đã tăng lên 25,1% từ 22,4% trước đó, với 5/8 sản phẩm chính phải chịu mức thuế suất 25% mới (Biểu đồ 2).

Từ đó, HSC giữ nguyên [dự báo thương mại cho năm 2025](#): KNXK và KNNK của Việt Nam tăng trưởng lần lượt 14,2% và 16,2%. Tuy nhiên, rủi ro suy giảm triển vọng của chúng tôi đến từ khả năng Mỹ mở rộng danh mục thuế quan theo ngành, nhắm vào những ngành hiện đang được miễn trừ, cùng với những chính sách thuế quan liên quan đến hoạt động trung chuyển. Tuy nhiên, những biện pháp hiện tại hướng đến các sản phẩm gỗ không ảnh hưởng đáng kể đến dự báo của chúng tôi trong năm nay.

Bảng 3: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2019	2020	2021	2022	2023E	2024E	2025F	2026F	2027F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	25,480	26,600	27,000	27,000
Tỷ giá (VND: CNY)	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,491	3,619	3,673	3,649
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.36	2.87	2.58	8.10	5.05	7.09	7.60	7.10	8.00
GDP (tỷ USD)	332	346	370	411	433	476	502	530	571
GDP bình quân đầu người (USD)	3,398	3,558	3,757	4,132	4,317	4,702	4,911	5,134	5,490
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	3.67	4.35	-2.20	-0.26	6.51	5.48	3.59	2.46	2.63
Nợ công/GDP (%)	42.8	43.8	44.7	37.4	36.9	37.0	36.9	37.9	39.0
Nợ Chính phủ/GDP (%)	37.4	38.5	39.6	34.7	33.3	33.0	33.3	34.6	36.0
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.09	2.71	2.55	3.08	3.48	3.47	3.67	4.13	4.54
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	106.3	115.0	124.4	125.3	132.7	135.7	143.6	152.4	158
FDI giải ngân / FDI (%)	6.1	5.8	5.3	5.4	5.4	5.3	5.4	5.2	5.1
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.15	2.37	3.56	2.32	2.26	2.22	2.50	2.60	2.50
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.6	3.4	3.9	4.0
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	2.9	3.4	4.0	4.0
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.0	4.0	3.5	3.5
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	13.6	12.2	13.6	14.2	13.5	15.1	18.0	16.0	14.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	17,915	20,781	23,898	27,005
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	12.0	16.0	15.0	13.0
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	79	95	107	85	90	81	78	75	85
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	4.6	4.6	5.0	5.5
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.4	3.2	3.4	3.5
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.8	4.0	4.1
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	24.9	20.9	19.7	23.6
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	26.1	18.0	13.0	15.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	253	263	333	360	326	381	443	467	502
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	16.7	16.2	5.5	7.5
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	264	283	336	372	355	406	464	487	526
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	14.4	14.2	5.0	8.0
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	123	129	140	149	142	155	165	174	179
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.9	37.3	37.7	36.2	32.7	32.6	32.8	32.8	32.8
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	25.4	26.9	27.7	29.3
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	38.0	28.5	31.2	27.7	39.4	38.2	42.0	40.8	44.9
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	49.8	51.0	50.0	51.0
Chỉ số sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.8	8.3	7.0	7.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.2	9.0	7.5	8.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo hàng năm (%)	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	9.8	10.5	6.5	9.5
Doanh số bán lẻ danh nghĩa hàng năm (%)	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.4	9.0	10.0	11.0	12.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn